

Số: 33/KH-PHUB

Uông Bí, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  
**Năm học 2025-2026**

**1. Mục đích, yêu cầu :**

- Kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập của HS giữa HK II năm học 2025-2026.
- Giáo viên và HS có hướng điều chỉnh dạy và học phù hợp với năng lực học sinh.
- Các nhóm bộ môn thống nhất chương trình ôn, nội dung kiểm tra.

**2. Thời gian ôn tập:**

Từ: 03/3/2026 đến 07/3/2026. Giáo viên chủ động ôn tập theo PPCT ( nếu có);

**3. Hình thức kiểm tra:**

**3.1. Tự luận đối với môn Ngữ văn ( thực hiện ở 03 khối )**

- Cấu trúc: gồm 2 phần.
- + Phần 1. Đọc hiểu: 5,0 điểm;
- + Phần 2. Viết: 5,0 điểm.
- Ngữ liệu đề kiểm tra:
  - + Tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa; có nguồn dẫn xác thực, tin cậy; có chú thích, chú giải các từ cổ, thuật ngữ, điển tích, điển cố, một số thông tin cần thiết về tác giả; không vi phạm các quy định về đạo đức, văn hoá, pháp luật,...
  - + Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề kiểm tra không quá 1000 chữ; trong trường hợp ngữ liệu có dung lượng vượt quy định, cần tóm tắt phần lược bỏ để HS hiểu đúng văn bản trong tính chỉnh thể.

**3.2. Trắc nghiệm kết hợp với tự luận đối với các môn:** Lịch sử, Ngoại ngữ (3 khối); Địa lý, GDKTPL, Toán (khối 10; 11).

**3.2.1. Môn lịch sử ( 03 khối):** 70% trắc nghiệm và 30% tự luận:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.
- Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm
- Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 4 Câu = 16 ý = 4,0 điểm
- Phần III. Tự luận: 2 câu = 3 điểm.

**3.2.2. Môn Địa lý khối 10;11:**

- Tỷ lệ điểm trắc nghiệm là 70%, tỷ lệ điểm tự luận là 30%.
- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.
- Cấu trúc:
  - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm.
  - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 3 Câu = 12 ý = 3,0 điểm.
  - + Phần III. Trả lời ngắn: 4 Câu = 1,0 điểm.
  - + Phần IV. Tự luận: 2-3 Câu = 3 điểm.

### **3.2.3. Môn Ngoại ngữ ( 03 khối):**

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, trong đó: tỉ lệ điểm trắc nghiệm là **70%**, tỉ lệ điểm tự luận là **30%**.

- Thời gian: **60 phút**.

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

**3.2.4. Môn GDKTPL khối 10;11:** 70% trắc nghiệm (trong đó điểm trắc nghiệm nhiều lựa chọn chiếm 50%; trắc nghiệm dạng đúng/sai chiếm 20% ) và 30% tự luận.

### **3.2.5. Môn Toán khối 10;11:**

- Hình thức: **Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%**

- Cấu trúc:

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm.(mỗi câu: 0,25 điểm)

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm. (mỗi ý đúng: 0,25 điểm)

+ Phần III. Trả lời ngắn: 4 Câu = 2,0 điểm. (mỗi câu: 0,5 điểm)

+ Phần IV. Tự luận: 4 Câu = 3 điểm.

### **3.2.6. Môn Vật lý; Hoá học; Sinh học ( 03 khối):**

- Hình thức: Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Cấu trúc:

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm.

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm.

+ Phần III. Trả lời ngắn: 8 Câu = 2,0 điểm.

+ Phần IV. Tự luận: 3 Câu = 3 điểm.

### **3.2.7. Môn Công nghệ:**

- Hình thức: Trắc nghiệm 70%, tự luận 30%

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Cấu trúc:

+ Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 20 Câu = 5,0 điểm.

+ Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 2,0 điểm.

+ Phần III. Tự luận: 2 Câu = 3 điểm.

### **3.2.8. Môn Tin học khối 10;11:**

- Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận

- Cấu trúc:

+ Phần I. Trắc nghiệm 04 phương án chọn, chọn 01 phương án đúng (**6 điểm**): 24 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Phần II. Trắc nghiệm Đúng/Sai (**2 điểm**): 02 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Phần III. Tự luận/thực hành (**2 điểm**): từ 01 đến 02 câu hỏi.

**Số lượng câu hỏi ở mỗi phần cụ thể như sau:**

STT	Môn thi	Số lượng câu hỏi				Ghi chú
		Tự luận	Trắc nghiệm			
			Phần I	Phần II	Phần III	
1	<b>Ngoại ngữ</b>	Có 02 dạng bài, số câu linh hoạt	25	10 (Nghe - Listen)	0	
2	<b>Địa lý</b>	2 - 3	12	03	04	
3	<b>GDKTPL</b>	02	20	02	0	
4	<b>Lịch sử</b>	02	12	04	0	
5	<b>Toán</b>	04	12	02	04	
6	<b>Vật lý; Hoá; Sinh.</b>	03	12	02	08	
7	<b>Công nghệ</b>	02	20	02	0	
8	<b>Tin học</b>	01 - 02	24	02	0	

**3.3. Trắc nghiệm 100% đối với các môn:** Toán, Tin học, Địa lý, GDKTPL (khối 12), trong đó:

#### **3.3.1. Môn Toán khối 12:**

- Hình thức: Trắc nghiệm 100%;
- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.
- Phần trắc nghiệm có 3 dạng thức
- + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm. (mỗi câu 0,25 điểm)
- + Phần II. Trắc nghiệm đúng/sai: 4 Câu = 16 ý = 4 điểm (mỗi ý 0,25 điểm)
- + Phần III. Trắc nghiệm Trả lời ngắn: 6 Câu = 3,0 điểm. (mỗi câu 0,5 điểm)

**3.3.2. Môn Địa lý khối 12:** Điểm trắc nghiệm nhiều lựa chọn chiếm 45%; trắc nghiệm dạng đúng/sai chiếm 40%; trắc nghiệm dạng trả lời ngắn chiếm 15%.

**3.3.3. Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật khối 12:** Điểm trắc nghiệm nhiều lựa chọn chiếm 60%; Trắc nghiệm dạng đúng/sai chiếm 40%.

#### **3.3.4. Môn Tin học khối 12**

+ Phần I. Trắc nghiệm 04 phương án chọn, chọn 01 phương án đúng (**6 điểm**): 24 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

+ Phần II. Trắc nghiệm Đúng/Sai (**4 điểm**): 04 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 ý, tại mỗi ý chọn Đúng hoặc Sai, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

**Số lượng câu hỏi ở mỗi phần cụ thể như sau:**

STT	Môn thi	Số lượng câu hỏi			Ghi chú
		Phần I	Phần II	Phần III	
1.	Địa lý	18	4	6	
2.	GDKTPL	24	4	0	
3.	Toán	12	04	06	
4.	Tin học	24	04	0	

**\* Lưu ý:**

- Tại phân hiệu Uông Bí môn ngữ văn ra 03 đề độc lập với các mức độ: Nhận biết, thông hiểu và vận dụng (Trường CĐCN &XD; Phân hiệu đào tạo Hữu Nghị ra 02 đề).

- Môn kiểm tra trắc nghiệm và kết hợp hình thức trắc nghiệm và tự luận: Mỗi môn ra 02 đề, mỗi đề phần trắc nghiệm đảo thành 04 mã đề; Phần thi tự luận 02 đề nội dung khác nhau (Có tính chất tương đương).

- Học sinh làm bài trên phiếu trắc nghiệm (Đối với môn thi trắc nghiệm và kết hợp hình thức tự luận với trắc nghiệm); Đối với môn thi tự luận làm bài trên giấy thi.

**4. Lịch kiểm tra:**

- Từ 09/3/2026 đến 14/03/2026.

- Tại phân hiệu Uông Bí giáo viên được phân công giảng dạy chủ động cho học sinh làm bài kiểm tra tại lớp theo lịch trên. Đề kiểm tra nhận tại văn phòng - cô Đặng Hiền.

**5. Tại điểm trường Cao đẳng CN&XD; CĐ Than - Khoáng sản (Phân hiệu Hữu Nghị):**

Đề nghị các đồng chí phụ trách chương trình GDTX cấp THPT xây dựng KH, tổ chức kiểm tra tại cơ sở đảm bảo:

- Thời gian thực hiện theo đúng kế hoạch số 33/KH - PHUB ngày 02/02/2026

- Nội dung đề kiểm tra đảm bảo đúng quy định về tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận và mức độ đánh giá nhằm phản ánh thực chất chất lượng học tập của học sinh.

- KH kiểm tra giữa HKII và đề kiểm tra được chuyển về Phân hiệu Uông Bí ký duyệt trước ngày 03/3/2026 ( Cả bản file và bản in nộp cho đ/c Hoàng Hương - Phụ trách CM theo địa chỉ: maihuong0384486@gmail.com, bản In 02 bản, 01 bản lưu tại Trung tâm, 01 bản lưu tại cơ sở).

- Kết thúc kỳ kiểm tra, yêu cầu các cơ sở thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm tra đúng quy định, hồ sơ kiểm tra gồm: Danh sách kí thi; Bài kiểm tra đã chấm; Bảng điểm các môn kiểm tra giữa HKII...

**Số lượng câu hỏi ở mỗi phần cụ thể như sau:**

STT	Môn thi	Số lượng câu hỏi			Ghi chú
		Phần I	Phần II	Phần III	
1.	Địa lý	18	4	6	
2.	GDKTPL	24	4	0	
3.	Toán	12	04	06	
4.	Tin học	24	04	0	

**\* Lưu ý:**

- Tại phân hiệu Uông Bí môn ngữ văn ra 03 đề độc lập với các mức độ: Nhận biết, thông hiểu và vận dụng (Trường CĐCN &XD; Phân hiệu đào tạo Hữu Nghị ra 02 đề).

- Môn kiểm tra trắc nghiệm và kết hợp hình thức trắc nghiệm và tự luận: Mỗi môn ra 02 đề, mỗi đề phần trắc nghiệm đảo thành 04 mã đề; Phần thi tự luận 02 đề nội dung khác nhau (Có tính chất tương đương).

- Học sinh làm bài trên phiếu trắc nghiệm (Đối với môn thi trắc nghiệm và kết hợp hình thức tự luận với trắc nghiệm); Đối với môn thi tự luận làm bài trên giấy thi.

**4. Lịch kiểm tra:**

- Từ 09/3/2026 đến 14/03/2026.

- Tại phân hiệu Uông Bí giáo viên được phân công giảng dạy chủ động cho học sinh làm bài kiểm tra tại lớp theo lịch trên. Đề kiểm tra nhận tại văn phòng - cô Đặng Hiền.

**5. Tại điểm trường Cao đẳng CN&XD; CĐ Than - Khoáng sản (Phân hiệu Hữu Nghị):**

Đề nghị các đồng chí phụ trách chương trình GDTX cấp THPT xây dựng KH, tổ chức kiểm tra tại cơ sở đảm bảo:

- Thời gian thực hiện theo đúng kế hoạch số 33/KH - PHUB ngày 02/02/2026  
- Nội dung đề kiểm tra đảm bảo đúng quy định về tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận và mức độ đánh giá nhằm phản ánh thực chất chất lượng học tập của học sinh.

- KH kiểm tra giữa HKII và đề kiểm tra được chuyển về Phân hiệu Uông Bí ký duyệt trước ngày 03/3/2026 ( Cả bản file và bản in nộp cho đ/c Hoàng Hương - Phụ trách CM theo địa chỉ: maihuong0384486@gmail.com, bản In 02 bản, 01 bản lưu tại Trung tâm, 01 bản lưu tại cơ sở).

- Kết thúc kỳ kiểm tra, yêu cầu các cơ sở thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm tra đúng quy định, hồ sơ kiểm tra gồm: Danh sách kí thi; Bài kiểm tra đã chấm; Bảng điểm các môn kiểm tra giữa HKII...

- Trong quá trình sao đề, yêu cầu các cơ sở phải đảm bảo bảo mật đề kiểm tra và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính bảo mật, nếu để lộ đề phân hiệu Ôn Bí thực hiện đình chỉ kiểm tra và yêu cầu xây dựng lại bộ đề kiểm tra mới, cơ sở làm lộ đề thi phải tổ chức kiểm tra bổ sung cho học viên.

- Trong kỳ kiểm tra Phân hiệu Ôn Bí sẽ cử CBQL thực hiện kiểm tra đột xuất công tác tổ chức kiểm tra giữa HKII tại các cơ sở.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra giữa HKII năm học 2025-2026 của Phân hiệu Ôn Bí. Đề nghị các đồng chí phụ trách chuyên môn tại các điểm trường, nhóm trưởng các nhóm, văn phòng và các đồng chí GV, NV nghiêm túc thực hiện. Mọi vướng mắc liên hệ đồng chí Hoàng Thị Mai Hương - ĐT 0384486470 để được giải đáp./.

**PHÓ TRƯỞNG PHÂN HIỆU**

**Nơi nhận**

- CBQLPH (đ/b);
- Trường CĐ CN&XD; Phân hiệu ĐTHN(t/h);
- Nhóm CM, VP (t/h);
- GVCN. GVBM (t/h);
- Lưu: VT

**Hoàng Thị Mai Hương**